

Bản án số: **54/2017/HSPT**

Ngày: 26 – 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Phạm Bá Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2017/HSPT ngày 13/11/2017 đối với bị cáo **Vũ Thị Th** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo, người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2017/HS-ST ngày 20-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Họ và tên: **Vũ Thị Th** - Sinh năm: 1973, tại Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký NKTT: Tổ 01, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 8/10; Nghề nghiệp: Thợ may. Con ông: Vũ Văn Kh và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết). Bị cáo có chồng: Nguyễn Đức Tr (đã chết năm 2014) và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 21/6/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Ông **Mai Văn T** - Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt.

- Người bị hại có kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1967. trú tại: số 300, Trường Sơn, tổ 11, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt.

- Người bị hại không có kháng cáo (Tòa án không triệu tập).

1. Ông **Trần Đ**, sinh năm: 1971 (chồng bà Hà Thị H). Trú tại: Thôn T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Ông **Nguyễn Tuấn Ng**, sinh năm: 1960. Trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện M, Gia Lai.

3. Ông **Nguyễn Hữu G**, sinh năm: 1966. Trú tại: Thôn TL, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

4. Ông **Nguyễn Văn Th1**, sinh năm: 1966. Trú tại: thôn 1, xã I, huyện I1, tỉnh Gia Lai.

5. Ông **Đào Xuân H**, sinh năm: 1972. Trú tại: thôn HT, xã I2, huyện C, tỉnh Gia Lai.

6. Bà **Vũ Thị T1**, sinh năm: 1959. Trú tại: Tổ 13, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

7. Ông **Nguyễn Ngọc T2**, sinh năm: 1960. Trú tại: Tổ 3, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

8. Ông **Đặng Công Th2**, sinh năm: 1994. Trú tại: số 476 đường H, tổ 5, huyện Đ3, tỉnh Kon Turn.

9. Ông **Hồ Trọng Ng1**, 1964. Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

10. Bà **Cao Thị Hồng Q**, sinh năm: 1989. Trú tại: Tổ dân phố 18, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

11. Ông **Lê Tiến S**, sinh năm: 1967. Trú tại: Tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

12. Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm: 1982. Trú tại: Tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

13. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1983. Trú tại: Tổ 9, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

14. Bà **Trần Thị L**, sinh năm: 1979. Trú tại: 174/16 Âu Cơ, Tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

15. Bà **Trương Thị N**, 1962. Trú tại: số nhà 469 đường N, TDP 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

16. Bà **Hoàng Thị Tuyết Ng3**, sinh năm: 1974. Trú tại: Khu phố 6, thị trấn C1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

17. Ông **Đỗ Quang C**, sinh năm: 1969. Trú tại: 218/41 - hẻm P, tổ 8, phường T1, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

18. Chị **Cao Thị Ng4**, sinh năm: 1981. Trú tại: Tổ 01, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

19. Bà **Hoàng Thị L2**, sinh năm: 1968. Trú tại: Tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

20. Ông **Lê Hữu Ng5**, sinh năm: 1964. Trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình.

21. Ông **Hồ Sỹ C1**. Trú tại: Tổ 03, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

22. Ông **Lê Xuân L3**, sinh năm: 1964. Trú tại: Thôn 3, xã Đ4, huyện K2, tỉnh Kon Tum.

23. Ông **Nguyễn Thế A**, sinh năm 1967. Trú tại: 212 đường W, tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra trong vụ án còn có 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02/2014 đến tháng 6/2015, nắm bắt được việc nhiều người có nhu cầu cần xin việc làm cho con, cháu, người thân, Vũ Thị Th đã lợi dụng vào mối quan hệ gia đình để đưa ra các thông tin gian dối sai sự thật như: Th có anh rể (ông Nguyễn Hữu Ch1) làm ở Tỉnh ủy, có quan hệ rộng, có khả năng xin được việc làm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai, Trung đoàn Cảnh sát cơ động Tây Nguyên (E20) - Bộ Công an, sân bay Pleiku, sân bay Đà Nẵng, Công ty cổ phần điện Gia Lai và các cơ quan nhà nước khác... để lừa dối nhiều người thông qua hình thức xin việc làm, nhằm chiếm đoạt tài sản của họ.

Đối với các trường hợp Th gian dối đưa ra thông tin xin được việc tại sân bay là do Th thấy trên báo có quảng cáo: Chi nhánh Công ty cổ phần HNC Air (địa chỉ: số 35 đường C, quận H, thành phố Đà Nẵng) có tuyển sinh học viên có liên quan đến lĩnh vực hàng không như bán vé, bốc xếp, vận chuyển...sau khi học viên nộp tiền học và đào tạo, đạt yêu cầu công ty sẽ bố trí công việc theo nhu cầu nội bộ của công ty, nên Th nảy sinh ý định lợi dụng vào đây để lừa đảo, nói dối có khả năng xin việc trong sân bay, sẽ bố trí đi học ngay, sau khi học xong sẽ được làm việc trong sân bay theo nguyện vọng đã đăng ký, được biên chế chính thức ...để những người xin việc tin tưởng, đưa tiền cho Th và Th đã chiếm đoạt. Trên thực tế Công ty này chỉ đào tạo về nghiệp vụ liên quan đến hàng không phục vụ phát triển nguồn nhân lực của công ty, với điều kiện học viên phải tham gia học và thi đậu thì công ty mới ký hợp đồng; Công ty không có chức năng xin việc tại các sân bay hay các nơi khác. Vũ Thị Th không có chức năng, nhiệm vụ hay có bất cứ quan hệ nào với Công ty này, mà đây chỉ là

thủ đoạn gian dối nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Thị Th đối với các bị hại.

Tổng cộng có 19 bị hại đã tin tưởng, trực tiếp đưa tiền cho Th để nhờ xin việc và 05 người đưa tiền thông qua ông Ngô Xuân H1 nhận và giao cho Th chiếm đoạt tổng số tiền 3.630.000.000 đồng, sau đó Th đã đóng học phí, tiền ăn và trả lại cho 10 cá nhân số tiền 585.000.000 đồng, còn lại số tiền 3.045.000.000 đồng Th chiếm đoạt. Bên cạnh đó, bằng thủ đoạn gian dối trong việc giao dịch mua bán đất, Vũ Thị Th đã chiếm đoạt của 02 bị hại với tổng số tiền 800.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Th lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại là 3.845.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt tiền của các cá nhân thông qua ông Ngô Xuân H1:

Từ tháng 11/2014 đến tháng 06/2015, đã có 05 người đến nhờ ông H1 xin việc giúp, ông H1 đã nhận số tiền 870.000.000đ rồi đưa lại toàn bộ cho Vũ Thị Th để xin việc. Nhưng thực tế sau đó Th không xin việc cho trường hợp nào. Sau khi những người đưa tiền xin việc gặp ông H1 để đòi lại tiền thì ông H1 đã gặp Vũ Thị Th để đòi trả lại tiền thì Th trả lại được 140.000.000đ; số tiền còn lại là 730.000.000đ Th chiếm đoạt, bỏ trốn. Sau khi Th bỏ trốn, ông H1 đã dùng tiền cá nhân để trả lại hết cho những người này, gồm:

- Bà Hoàng Thị L2 120.000.000đ.
- Ông Lê Hữu Ng5 141.500.000đ.
- Ông Hồ Sỹ C1 131.500.000đ.
- Ông Lê Xuân L3 160.000.000đ.
- Ông Nguyễn Thế A 120.000.000đ.

2. Chiếm đoạt tiền của những người bị hại thông qua bà Cung Thị Xuân Th3 giới thiệu gồm có:

- Chiếm đoạt của vợ chồng ông Trần Đ, bà Hà Thị H 181.500.000đ.
- Chiếm đoạt của ông Nguyễn Tuấn Ng 112.500.000đ.

3. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu G 188.000.000đ.

4. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Th1 250.000.000đ.

5. Chiếm đoạt của ông Đào Xuân H 50.000.000đ.

6. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị D 450.000.000đ.

7. Chiếm đoạt bà Vũ Thị T1 230.000.000đ.

8. Chiếm đoạt ông Nguyễn Ngọc T2 100.000.000đ.

9. Chiếm đoạt anh Đặng Công Th2 200.000.000đ.

10. Chiếm đoạt ông Hồ Trọng Ng1 50.000.000đ.

11. Chiếm đoạt của chị Cao Thị Hồng Q 50.000.000đ.
12. Chiếm đoạt của ông Lê Tiến S 60.000.000đ.
13. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Y 30.000.000đ.
14. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị P 60.000.000đ.
15. Chiếm đoạt của chị Trần Thị L 70.000.000đ.
16. Chiếm đoạt của bà Trương Thị N 200.000.000đ.
17. Chiếm đoạt của bà Hoàng Thị Tuyết Ng3 80.000.000đ.
18. Chiếm đoạt của ông Đỗ Quang C 450.000.000đ.
19. Chiếm đoạt của chị Cao Thị Ng4 350.000.000đ.

Như vậy: Tổng số tiền Vũ Thị Th đã chiếm đoạt của các bị hại là 3.845.000.000đ.

Vũ Thị Th khai số tiền chiếm đoạt Th khai đã sử dụng vào việc chữa bệnh cho chồng bị ung thư, trả các khoản vay với lãi vay lãi suất cao, tiêu xài cá nhân hết. Sau khi đã sử dụng hết số tiền chiếm đoạt, Th bị những người bị hại đòi nợ nên đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2017/HS-ST ngày 20-9-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Th 16 (Mười sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2016.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quy định về thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 26-9-2017, bị cáo Vũ Thị Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21-9-2017, người bị hại bà Nguyễn Thị D kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị D, giữ nguyên nội dung án sơ thẩm.

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, lời khai của bị hại, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định.

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2014 đến tháng 6/2015, nắm bắt được một số gia đình có nhu cầu xin việc làm cho con, cháu và người thân của mình Vũ Thị Th đã lợi dụng vào mối quan hệ gia đình để đưa ra các thông tin gian dối, sai sự thật như Th có anh rể làm ở Tỉnh ủy có quan hệ rộng có khả năng xin được việc làm ở các cơ quan như Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai, Trung đoàn cảnh sát cơ động Tây Nguyên – Bộ Công an, sân bay Pleiku, sân bay Đà Nẵng, Công ty cổ phần điện Gia Lai. Ngoài ra Vũ Thị Th còn đưa ra thông tin gian dối sai sự thật là xin được làm việc tại sân bay là do Th thấy trên báo có quảng cáo: Chi nhánh Công ty cổ phần HNC Air có tuyển sinh học viên có liên quan đến lĩnh vực hàng không như bán vé ..bốc xếp, vận chuyển ... sau khi học viên nộp tiền học và đào tạo đạt yêu cầu Công ty sẽ bố trí công việc theo nhu cầu nội bộ của Công ty, từ đó Th nảy sinh ý định lợi dụng vào đây nói dối có khả năng xin việc tại sân bay, bố trí đi học sau khi học xong sẽ được việc làm trong sân bay theo nguyện vọng đã đăng ký... Những người xin việc đã tin tưởng và đưa tiền cho Th. Trên thực tế Công ty này chỉ đào tạo về nghiệp vụ liên quan đến hàng không, Công ty không có chức năng xin việc tại các sân bay hay nơi khác, Vũ Thị Th không có mối quan hệ và không có chức năng nhiệm vụ gì đối với Công ty. Bằng những thủ đoạn gian dối nêu trên Vũ Thị Th đã nhận tiền của 19 bị hại đưa tiền trực tiếp cho Th để nhờ xin việc và có 05 người thông qua ông Ngô Xuân H1 nhận và giao cho Th. Tổng số tiền là 3.630.000.000 đồng trong đó Th đã đóng tiền học phí và tiền ăn cho 10 cá nhân số tiền là 585.000.000 đồng. còn lại số tiền 3.045.000.000 Th chiếm đoạt. Bên cạnh đó cũng bằng thủ đoạn gian dối trong việc giao dịch mua bán đất, Vũ Thị Th đã chiếm đoạt của 02 bị hại số tiền là 800.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 3.845.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của các bị hại bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, bị cáo Vũ Thị Th đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị D đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo bị đưa ra xét xử theo khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự có mức án khởi điểm từ 12 đến 20 năm hoặc chung thân, bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo phải chịu 1 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 16 năm tù là thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ nào khác được Hội đồng xét xử xem xét, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo cũng như kháng cáo của bà Nguyễn Thị D là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần bác đơn kháng cáo của bị cáo và của bị hại Nguyễn Thị D, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

[3] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Th và đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 20-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo **Vũ Thị Th 16 (Mười sáu)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày **21/6/2016**.

2. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo Vũ Thị Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành